

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1840 /SYT-NVY
V/v báo cáo công tác dinh dưỡng trẻ em.

Bình Phước, ngày 18 tháng 9 năm 2018

Kính gửi: Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em.

Thực hiện Công văn số 5297/BYT-BM-TE ngày 10/9/2018 của Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế về việc giám sát hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật hoạt động về công tác phòng chống suy dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ sơ sinh, Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện trong lĩnh vực phòng chống suy dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ sơ sinh trong năm 2018, kế hoạch triển khai năm 2020, cụ thể như sau:

I. TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI VÀ NHÂN LỰC:

1. Tổ chức mạng lưới:

- 01 Khoa SKSS thuộc Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh,
- 01 Bộ môn sản Trường CĐYT,
- 01 Khoa sản của BVĐK tỉnh,
- 01 khoa sản BVĐK tư nhân,
- 01 khoa ngoại sản BV quân dân y,
- 11 Khoa CSSKSS thuộc Trung tâm Y tế huyện, thị
- 111 TYT xã, phường, thị trấn,
- 03 Phòng khám đa khoa khu vực.

2. Tình hình nhân lực và công tác đào tạo của chuyên ngành sản nhi:

- Tổng số biên chế năm 2017 (tham gia công tác sản nhi): 732, trong đó:
 - + Sau đại học: 27
 - + Đại học/ Cao đẳng: 117
 - + Trung cấp: 588
- Đội ngũ cô đỡ thôn bản: 61 người
- Mạng lưới cộng tác viên dinh dưỡng: Cán bộ chuyên trách tỉnh: 02; huyện: 10; xã 111. Cộng tác viên dinh dưỡng: 864 (YTTB: 864; Tình nguyện viên:).
- Công tác đào tạo:
 - + Đào tạo về EENC: 6 giảng viên tuyển tỉnh và 280 cán bộ tuyển cơ sở.



- + Đào tạo về KMC: chưa đào tạo.
- + Đào tạo về chăm sóc sơ sinh bệnh lý: chưa đào tạo.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC SỨC KHOẺ SINH SẢN VÀ CẢI THIỆN TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG TRẺ EM NĂM 2018

1. Công tác phòng chống suy dinh dưỡng:

a. Triển khai Chiến dịch uống vitamin A đợt 1 năm 2018.

- Cấp phát Vitamin A cho huyện/thị với số lượng:

+101.000 viên loại 200.000UI

+ 10.000 viên loại 100.000UI

- Kết quả đạt được như sau:

+ Số trẻ từ 6 – 60 tháng được uống vitamin A là: $84.917/85.906 = 98.8\%$.

+Số bà mẹ sau sinh trong vòng 1 tháng được uống vitamin A trong 6 tháng qua là: $7.405/7.743 = 95.6\%$.

Theo dõi tăng trưởng trẻ em < 5 tuổi:

Tổng cân đo trẻ em < 5 tuổi vào tháng 06 hàng năm theo chỉ đạo của Viện Dinh dưỡng: kết quả thực hiện và so sánh với cùng kỳ năm 2017:

NỘI DUNG	Thực hiện năm 2018		Thực hiện năm 2017		So sánh	
	Chỉ số	Đạt (%)	Chỉ số	Đạt (%)	Tăng (%)	Giảm (%)
Trẻ < 5 tuổi						
- Số trẻ được cân	83.492	97,43	82.762	97,67		0,24
- Số trẻ được đo	81.408	97,50	82.760	97,66		0,11
- Tỷ lệ SDD						
+ CN/ T	8.167	9,78	8.637	10,19		0,41
+ CC/ T	7.818	9,36	8.101	9,65		0,29
- Trẻ thừa cân	803	0,96	924	0,86	0,10	
- Trẻ thừa chiều cao	390	0,47	323	0,50		0,03
Trẻ < 2 tuổi						
- Số trẻ được cân	29.257	98,20	34.824	97,80	0.40	
- Số trẻ được đo	30.844	98,18	34.887	97,98	0.20	
- Tỷ lệ SDD						
+ CN/ T	2.648	8,87	3.104	8,53	0,34	
+ CC/ T	2.414	8,09	3.124	8,77	0,68	
- Trẻ thừa cân	205	0,69	189	0,53	0,16	
- Trẻ thừa chiều cao	104	0,348	107	0,354		0,006

*** Nhận xét:**

- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi được cân đo giảm hơn với cùng kỳ năm 2017
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD có giảm, tỷ lệ thừa cân nặng giảm, thừa chiều cao lại tăng hơn
- b. Trẻ em < 2 tuổi được theo dõi cân nặng hàng tháng hoặc ít nhất 03 tháng một lần đạt được tỷ lệ 90,89%.
- c. Trẻ < 2 tuổi bị SDD CN/T được theo dõi hàng tháng đạt tỷ lệ 99.9%
- d. Trẻ < 5 tuổi bị SDD CN/T được theo dõi hàng tháng đạt tỷ lệ 100 %

e. Tập huấn cho cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến huyện-xã

- Tổng số lớp: 02 lớp, 02 ngày/lớp
- Thời gian tập huấn: từ ngày 24/7/2018 đến ngày 27/7/2018
- Tổng số học viên là 133 người, trong đó
 - + Tuyến huyện: 02 người/huyện
 - + Tuyến xã: 01 người/xã
- Nội dung tập huấn:
 - + Phòng chống thiếu vitamin A và kết hợp tẩy giun.
 - + Tổ chức triển khai bổ sung vitamin A kết hợp tẩy giun tại cộng đồng.
 - + Hướng dẫn, biểu mẫu giám sát, thống kê và báo cáo hoạt động dinh dưỡng tại cộng đồng.
 - + Các hoạt động dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em tại cộng đồng.

f. Điều tra đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi tại 30 cụm/xã/phường (triển khai từ tháng 8-10/2018).

- Thời điểm điều tra bắt đầu từ ngày 20/8/2018 đến ngày 14/9/2018: Khoa SKMT-YTTH&DD – TT KSBT đã điều tra được 18 xã/phường trên địa bàn tỉnh

2. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản

a. Công tác truyền thông – giáo dục: thường xuyên được chú trọng dưới nhiều hình thức:

- Tại tỉnh: tư vấn trực tiếp, tư vấn qua điện thoại, tư vấn SKSS VTN, phổ biến kiến thức dinh dưỡng....

- Tại huyện – xã: tổ chức các buổi phổ biến kiến thức về dinh dưỡng, tư vấn nhóm, sinh hoạt CLB SKSS, tư vấn SKSS VTN, phát thanh qua loa đài...

b. Công tác hỗ trợ, chỉ đạo tuyến:

- Tuyến tỉnh: triển khai giám sát tuyến cơ sở vào quý IV/2018.
- Tuyến huyện:

- + Tổ chức giám sát và giao ban tuyển xã định kỳ 1 lần/ quý.
- + Giám sát tai biến sản khoa và tử vong sơ sinh.

c. Công tác phối kết hợp

- Tuyển tỉnh phối hợp với các đơn vị: BVĐK tỉnh trong công tác chuyên môn và chỉ đạo tuyển; Trung tâm Hỗ trợ TN&CN trong nói chuyện chuyên đề SKSS cho CN; Đài PTTH tỉnh, TT TT&GDSK trong công tác tuyên truyền, giáo dục về CSSKBMTE,...

- Tuyển huyện phối hợp với: Đài PTHT huyện, Ban ngành đoàn thể trong công tác tuyên truyền về CSSKBMTE

d. Công tác đào tạo:

- Tham dự tham dự lớp tập huấn dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và bà mẹ cho con bú, các lớp đào tạo online về CSSKBMTE của BV Từ Dũ.
- Tham dự các Hội nghị, Hội thảo về CSSKBMTE do Trung ương tổ chức.
- Tổ chức đào tạo EENC và SBA cho tuyển cơ sở, 5 lớp tổng số 140 người.

e. Tình hình thực hiện chỉ tiêu chuyên môn:

Các chỉ tiêu phản ánh chất lượng CSSKSS 6 tháng đầu năm 2018 đều được duy trì: tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai 98,6%, tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai trên 3 lần trong 3 thời kỳ đạt 99,3%, tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh đạt 95,8%, tỷ lệ đẻ tại cơ sở y tế đạt 99,4 %, tỷ lệ khám thai ≥ 4 lần trong 3 thời kỳ đạt 87,8%...

Tai biến sản khoa 08 ca, tử vong sơ sinh 07 ca, không có tử vong mẹ.

III. ĐÁNH GIÁ:

a) Ưu điểm

- Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và sự nhiệt tình, năng động của các cán bộ quản lý công tác chăm sóc SKBMTE nên hầu hết các nội dung hoạt động của Chương trình CSSKSS, CTDDTE đều được triển khai tại các huyện/thị;

- Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng, tư vấn tại chỗ tiếp tục được chú trọng;

- Không có tử vong mẹ.

b) Khó khăn, tồn tại:

- Ngân sách đầu tư kinh phí cho chương trình phòng. chống SDDTE còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết để đạt được toàn bộ các mục tiêu;

- Bổ sung Vitamin A, viên đa vi chất cho trẻ 6 - 60 tháng, cho trẻ dưới 5 tuổi có nguy cơ cao: bị suy dinh dưỡng, bị viêm phổi, bị tiêu chảy; viên sắt - folic, viên kẽm cho phụ nữ có thai.. là rất cần thiết trong việc giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ...nhưng hiện nay không còn được đáp ứng;

- Mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng cấp huyện, xã chưa ổn định do nhiều cán bộ làm công tác dinh dưỡng đã chuyển công tác khác, số cán bộ mới được thay thế chưa được đào tạo một cách có hệ thống về dinh dưỡng; đội ngũ cộng tác viên dinh dưỡng là người thực hiện nhiều hoạt động chính, trực tiếp với các đối tượng tại cộng đồng nhưng không có thù lao nên thiếu nhiệt tình năng động trong công tác;

- Nhận thức, thực hành dinh dưỡng chưa hợp lý chưa phổ biến ở các bà mẹ và các thành viên trong gia đình; đặc biệt là vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; việc thực hiện vệ sinh, an toàn thực phẩm ở nhiều nơi còn chưa tốt đã ảnh hưởng đến chất lượng dinh dưỡng của người dân;

- Kinh tế của một bộ phận người dân vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn còn thiếu thốn do vậy ảnh hưởng lớn đến việc chăm sóc trẻ;

3. Nguyên nhân của các hạn chế nêu trên:

- Đầu tư nguồn lực cho chương trình chưa đáp ứng nhu cầu cần thiết, kinh phí thực hiện chương trình chủ yếu là nguồn kinh phí trung ương, kinh phí của tỉnh và địa phương trong tỉnh để triển khai các can thiệp dinh dưỡng chưa có;

- Đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng chưa ổn định, chất lượng cán bộ còn hạn chế, đặc biệt là đội ngũ cộng tác viên thôn bản. Do không có thù lao nên thiếu nhiệt tình, năng động trong công tác, đã có ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng triển khai chương trình;

- Tại một số xã, cấp ủy Đảng, chính quyền còn chưa thực sự quan tâm tạo điều kiện hoặc chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của vấn đề dinh dưỡng.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi giảm và đã xuất hiện đối tượng thừa cân béo phì và đang có xu hướng gia tăng.

- Trình độ dân trí không đồng đều, nhất là ở vùng sâu – xa – vùng đồng bào dân tộc còn rất thấp, phong tục tập quán còn lạc hậu và bất đồng ngôn ngữ nên công tác truyền thông tư vấn rất hạn chế.

- Điều kiện kinh tế - xã hội ở các xã vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn, hệ thống giáo dục phổ cập còn hạn chế..đó là những nguyên nhân quan trọng gây cản trở người dân thực hiện đúng các can thiệp dinh dưỡng cho trẻ em.

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ DINH DƯỠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH 3 THÁNG CUỐI NĂM 2018 VÀ ĐẾN NĂM 2020

*** Kế hoạch thực hiện chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh 3 tháng cuối năm 2018**

1. Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu theo Kế hoạch đã ban hành.
2. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác CSSKSS.
3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền – giáo dục - truyền thông.



4. Duy trì công tác chỉ đạo tuyến:

- Tổ chức giám sát tuyến cơ sở theo kế hoạch.
- Tổ chức giám sát tai biến sản khoa, tử vong sơ sinh; tổ chức thẩm định tử vong mẹ đầy đủ, kịp thời báo cáo về tuyến trên.
- Tuyên huyện duy trì công tác kiểm tra, giám sát tuyến xã/phường; giám sát hoạt động cân đo tại cộng đồng.

6. Công tác đào tạo:

- Tiếp tục tạo điều kiện cho các cán bộ làm công tác CSSKSS nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật những thông tin mới về CSSKSS để phục vụ nhân dân ngày tốt hơn.
- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn theo chỉ tiêu được giao khi có kinh phí.

7. Công tác báo cáo thống kê:

- Thực hiện đúng, đầy đủ chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

8. Công tác phối kết hợp:

- Tiếp tục thực hiện, hoàn thành tốt các điều khoản trong hợp đồng trách nhiệm với các ban ngành, đoàn thể. Tăng cường công tác phối kết hợp với các đơn vị có liên quan trong chương trình CSSK BM – TE.

*** Kế hoạch thực hiện chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020**

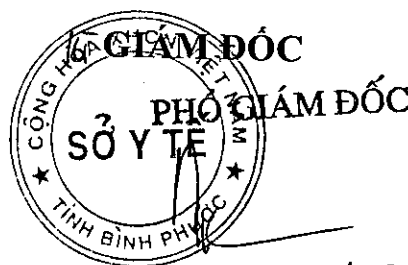
Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 182/KH – UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2018 – 2020 trên địa bàn tỉnh tới các đơn vị có liên quan.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện trong lĩnh vực phòng chống suy dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ sơ sinh trong năm 2018, kế hoạch triển khai năm 2020 của Sở Y tế (Có 3 file excel đính kèm).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng chức năng;
- Website SYT;
- Lưu VT – NVY.



Quách Ái Đức